

Name: _____

Date: ... / ... /20...

Class: S2

Tel: 038 255 2594

Lesson 5: Activities
Vocabulary & Movers instruction

- ❖ **Lưu ý:** Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ 2 dòng để ghi nhớ nhé
- ❖ **I. Vocabulary**

No	Word	Meaning	No	Word	Meaning
1	clean (v)	lau, rửa sạch	6	tidy (v)	dọn dẹp
2	shave (v)	cao (râu, lông...)	7	visit (v)	thăm thú
3	comb (v)	chải (tóc,...)	8	do laundry	giặt đồ
4	play outside	chơi ngoài trời	9	exercise (v)	tập luyện, rèn luyện
5	make my bed	dọn dẹp giường ngủ			

*Note: v (verb): động từ

*Con học thuộc nghĩa của từ và chép mỗi từ 2 dòng vào vở ghi.

II. Homework

Exercise 1: Write word according to the picture (Viết từ dựa vào tranh)



0. comb

1. s _____

2. e _____



3. m ___ my b __

4. p ___ o _____

5. do l _____

Exercise 2: Circle the correct answer (Khoanh tròn đáp án đúng)

0. The students _____ the classroom every morning.

A. clean B. took C. cleaned

1. My mother always does the _____ after she has a bath.

A. laundry B. clothes C. wash

2. Our grandfather _____ regularly (*thường xuyên*) to have good health.

A. does B. feels C. exercises

3. Which is your first _____ of a day? - I wash my face.

A. work B. activity C. thing

4. The mother is _____ her daughter's hair.

A. coming B. combing C. shaving

5. You need to _____ your legs to wear this short dress.

A. tidy B. put C. shave

6. Don't play _____, the weather is windy.

A. outside B. inside C. off

Exercise 3: Rearrange the words to make meaningful sentences (Sắp xếp lại các từ để thành câu có nghĩa)

0. Did you / the central / visit / last month? / museum

→ Did you visit the central museum last month?

1. always / My brother / his beard (*râu*) / shaves / in the morning.

→ _____

2. On sunny days, / like / outside. / my children / playing

→ _____

3. Her father / every week. / his old guitar / cleans

→ _____

4. is a mess (*mó hỗn độn*) / because she / Daisy's bed / forgets (*quên*) to / make her bed.

→ _____

Part 2

– 6 questions –

Read the text and choose the best answer.



Example

Charlie: What did you do last night, Daisy?

Daisy:

- (A) I watched a film.
- B I don't watch films.
- C I love watching films.

Questions

1 **Charlie:** Last week, I watched a film about aliens. Did you see it, too?

Daisy:

- A Yes, so do I!
- B Yes, it was really great!
- C Yes, it's tonight.

2 **Charlie:** Which alien did you like best in the film?

Daisy: A One of the aliens.

B He was my favourite one.

C The one with the orange eyes.

3 **Charlie:** Do you like watching funny films?

Daisy: A Me too.

B They're OK.

C You're all right.

4 **Charlie:** How about coming to my house to watch *Happy Families* on TV?

Daisy: A Would you like to?

B I think you're well.

C That's a good idea.

5 **Charlie:** Ben Brown's in the film. Do you know him?

Daisy: A Yes, he's got a beard.

B Yes, he's called Ben.

C No, he doesn't.

6 **Charlie:** Shall I get some drinks for us?

Daisy: A OK, and I can buy chocolate.

B OK, it's here.

C OK, I can help him.

Exercise 1: Unscramble the letters (Sắp xếp lại các chữ cái)

0. HUCCHR → CHURCH

1. PSUERETMARK → S _____

2. SUEMUM → M _____

3. EATHERT → T _____

4. OWNT LLHA → T _____

5. IFER STIOTAN → F _____

Exercise 2: Circle the correct answer (Khoanh tròn đáp án đúng)

Yesterday afternoon, I _____ (0. go) to the shopping centre and looked for a present for my father. I _____ (1. not know) what to buy, but finally (cuối cùng) I decided (quyết định) to get him a watch. I _____ (2. think) that it was a good idea. I entered a shop near my school and _____ (3. choose) a brown watch. However, I _____ (4. not have) enough money so I _____ (5. come) back home to get more.

0. A. went B. gone C. goes

1. A. don't know B. didn't knew C. didn't know

2. A. thought B. thinkded C. think

3. A. chose B. choosed C. chooses

4. A. don't have B. didn't have C. had not

5. A. comed B. came C. comes